TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2025/HS-PT
Ngày 28 tháng 7 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Điền

Các Thẩm phán: Ông Ngô Quang Dũng
Ông Trần Xuân Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm, Thư ký viên.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên, Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội mở phiên toà công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 470/2025/TLPT-HS ngày 09 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo Đoàn Tuấn A và các bị cáo khác. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2025/HS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Đoàn Tuấn A, sinh năm 1998 tại Hưng Yên; nơi đăng ký HKTT: thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên (địa chỉ sau sắp xếp đơn vị hành chính: thôn H, xã V, tỉnh Hưng Yên); giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 09/12; con ông Đoàn Văn S và bà Lê Thị V; chưa đăng ký kết hôn; có 01 con sinh ngày 10/12/2023; tiền sự: không; tiền án: ngày 14/01/2022 bị Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; bị tạm giam từ ngày 29/10/2024 tại Trại tạm giam Công an tỉnh H (có mặt tại phiên tòa).

2. Lê Thị Ngọc L, sinh năm 2000 tại Thanh Hóa; nơi đăng ký HKTT: Ngõ A Đ, phường H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nơi tạm trú và nơi ở: Số E N, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa (địa chỉ sau sắp xếp đơn vị hành chính: Số E N, phường H, tỉnh Thanh Hóa); giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông Lê Đình Q và bà Lương Thị N; chưa đăng ký kết hôn nhưng có 01 con sinh ngày

10/12/2023; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

3. Phan Thị H, sinh năm 2003 tại Hưng Yên; nơi đăng ký HKTT: Thôn E, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên (địa chỉ sau sắp xếp đơn vị hành chính: Thôn E, xã P, tỉnh Hưng Yên); giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: sinh viên; trình độ học vấn: 12/12; con ông Phan Văn H1 và bà Nguyễn Thị L1; chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

4. Nguyễn Thị Ngọc Á, sinh năm 2003 tại Tiền Giang; nơi đăng ký HKTT: Trạm thực nghiệm, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên (địa chỉ sau sắp xếp đơn vị hành chính: Trạm thực nghiệm, xã V, tỉnh Hưng Yên); giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: sinh viên; trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Hương L2; có chồng là Trần Văn H2 (kết hôn tháng 3/2025), chưa có con; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Lê Thành L3 và 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến nội dung kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 3/2023, do biết trên các hội nhóm facebook, telegram có nhiều người hoạt động mua, bán thông tin về tài khoản ngân hàng và các ngân hàng thương mại cho phép mở tài khoản thanh toán bằng phương thức điện tử nên Đoàn Tuấn A (ở Căn hộ S, Tòa nhà S, căn Sky O, khu đô thị E, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên) cùng Lê Thị Ngọc L (giữa L và Tuấn A có 01 con chung nhưng chưa đăng ký kết hôn), Lê Thành L3, Phan Thị H và Nguyễn Thị Ngọc Á đã làm giả căn cước công dân (viết tắt là: CCCD) để mở các tài khoản ngân hàng bằng phương thức điện tử, sau đó bán cho người có nhu cầu sử dụng để kiếm lời. Hành vi phạm tội của từng bị cáo như sau:

(1) Bị cáo Đoàn Tuấn A:

Qua tìm hiểu, Tuấn A biết để mở tài khoản ngân hàng bằng phương thức điện tử phải có CCCD và mỗi CCCD chỉ mở được một tài khoản ở một ngân hàng nên muốn mở được nhiều tài khoản để bán và không bị phát hiện thì cần sử dụng CCCD giả.

Tuấn A đã lên mạng xã hội mua ứng dụng (có tên gọi là: "Túi") giúp vượt qua hệ thống định danh và xác thực khách hàng điện tử (EKYC) của ngân hàng. Khi mua các "Túi" này đã có sẵn hệ thống hình ảnh CCCD, hình ảnh thực của người đứng tên trong CCCD, phôi hình ảnh CCCD, phôi video dùng để chỉnh sửa hình ảnh, tạo video giả vượt qua hệ thống EKYC. Tuấn A đã đăng ký tài khoản và

tải phần mềm Swapface từ trang Web swapface.org, tên đăng nhập tuananh868@gmail.commật khẩu tuananh11 để tạo video đánh lừa hệ thống EKYC; phần mềm photoshop để chỉnh sửa thông tin trên CCCD như họ và tên, ngày tháng năm sinh, số CCCD; phần mềm giả lập điện thoại LDPlayer truy cập Website ngân hàng; phần mềm "ManyCam" sử dụng các video và hình ảnh mặt trước, mặt sau CCCD để vượt qua hệ thống kiểm duyệt của ngân hàng; tải App mobile ngân hàng, hình ảnh khuôn mặt của người có thật về máy; chuẩn bị máy vi tính để bàn, điện thoại di động thông minh có kết nối Internet. Sau khi chuẩn bị xong những phương tiện và phần mềm nêu trên, tiến hành làm giả một phần thẻ CCCD (chọn phôi, sau đó chỉnh sửa ảnh chân dung), tạo video khuôn mặt trên CCCD rồi lưu sẵn vào các file trong máy để sử dụng khi mở tài khoản ngân hàng bằng phương thức điện tử.

Khi có người hỏi mua tài khoản ngân hàng, Tuấn A yêu cầu họ cung cấp họ tên, giới tính, ngày tháng năm sinh, địa chỉ và tên ngân hàng M1 mở tài khoản, số điện thoại để đăng ký OTP (mã xác nhận); nếu không cung cấp thông tin và số điện thoại thì Tuấn A sẽ tự nghĩ ra và tính thêm phí sim điện thoại. Sau khi thỏa thuận xong thì sử dụng phần mềm photoshop điền thông tin họ, tên, số CCCD còn thiếu vào CCCD đã làm giả một phần trước đó.

Sau khi hoàn thành việc làm giả CCCD, tiến hành đăng nhập vào ứng dụng của ngân hàng T1 mở, vào mục "Đăng ký" và thực hiện các bước tiếp theo hướng dẫn của ngân hàng; sử dụng video đã được tạo trước đó để thực hiện yêu cầu xác thực khuôn mặt của người trong CCCD. Khi qua được bước xác thực khuôn mặt thì tiến hành nhập số điện thoại đăng ký đã nhận mã OTP. Khi có mã OTP, Tuấn A nhập mã theo hướng dẫn của ngân hàng, ngân hàng thông báo mở tài khoản ngân hàng thành công và cung cấp thông tin liên quan đến tài khoản ngân hàng vừa mở được (gồm số tài khoản ngân hàng, tên đăng nhập và mật khẩu đăng nhập). Sau khi tài khoản được kích hoạt thành công, Tuấn A bán cho các đối tượng có nhu cầu sử dụng qua mạng xã hội telegram với giá từ 50.000 đồng đến 3.000.000 đồng/01 tài khoản. Ngoài trực tiếp làm, Tuấn A còn cùng Lê Thị Ngọc L và thuê Lê Thành L3, Phan Thị H và Nguyễn Thị Ngọc Á thực hiện hành vi nêu trên với mình. Đối với những tài khoản ngân hàng không mở được, Tuấn A sẽ mua của người khác trên mạng xã hội sau đó bán cho khách.

Để nhiều người biết và mua thông tin tài khoản ngân hàng mở bằng phương thức điện tử, Tuấn A đã sử dụng 02 tài khoản mạng xã hội telegram có tên "kria (đời thứ 3)", đăng ký bằng số điện thoại 0528.442.483, tên người dùng @kira19988; "Bánh ngọt", đăng ký bằng số điện thoại 0924.062.628, tên người dùng @khongminhtiensinh8686 để tham gia vào các hội, nhóm hoạt động mua bán tài khoản ngân hàng và đăng nhập các tài khoản telegram này trên điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax vỏ màu tím của Tuấn A. Việc trao đổi mua, bán thông tin tài khoản đều được thực hiện thông qua tin nhắn trên hai tài khoản telegram nêu trên và Tuấn A để ở chế độ tự động xóa dữ liệu sau một khoảng thời gian nhất định.

Để nhận tiền mua, bán thông tin tài khoản ngân hàng và tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng, Tuấn A sử dụng 03 tài khoản ngân hàng gồm: Tài khoản Ngân hàng thương mại cổ phần K số 0359089961 mang tên NGUYEN CHI DUNG, tài khoản Ngân hàng S2 số 0608031991 mang tên GIA CAT KHONG MINH, tài khoản Ngân hàng V1 số 00109092 mang tên DO THANH DAT và ứng dụng ví điện tử M, ứng dụng thanh toán điện tử Viettel Money số C, 09121518686. Sau khi nhận tiền, Tuấn A chuyển qua một số tài khoản khác sau đó chuyển về 02 tài khoản: Tài khoản Ngân hàng V2 và tài khoản Ngân hàng M2 số 00000000001102 đều mang tên Đoàn Tuấn A.

Kết quả điều tra xác định được:

Từ tháng 3/2023 đến ngày 05/12/2023, Tuấn A đã trực tiếp tham gia làm giả 350 thẻ CCCD để mở tài khoản ngân hàng bằng phương thức điện tử và thực hiện mua, bán trái phép 570 thông tin về tài khoản ngân hàng. Cụ thể bao gồm: 01 tài khoản thuộc Ngân hàng TMCP A1 (A2); 14 tài khoản thuộc Ngân hàng TMCP Đ (B); 128 tài khoản thuộc Ngân hàng TMCP K (K1); 04 tài khoản thuộc Ngân hàng TMCP L4 (L5); 11 tài khoản thuộc Ngân hàng TMCP H3 (M3); 23 tài khoản thuộc Ngân hàng TMCP Q1 (N1); 10 tài khoản thuộc Ngân hàng TMCP Đ1 (S3); 69 tài khoản thuộc Ngân hàng TMCP K2 (T2); 310 tài khoản thuộc Ngân hàng TMCP V3 (V4).

Số tiền Tuấn A đã thu được từ những hành vi trên là 79.570.000 đồng; đã chi phí 19.210.000 đồng (gồm: 1.000.000 đồng mua thông tin tài khoản của người khác rồi bán lại cho khách; 5.000.000 đồng mua "Tút"; 12.760.000 đồng trả công cho Á, L3 và H; 450.000 đồng chuyển cho H, Á tiền ăn). Như vậy, tổng số tiền Tuấn A được hưởng lợi từ việc mua, bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng là 60.360.000 đồng (trong đó có 6.000.000 đồng hưởng lợi chung cùng L).

(2) Bị cáo Lê Thị Ngọc L:

L chung sống với Tuấn A tại Căn hộ B, Tòa S2, căn Sky O, khu đô thị E thực hiện công việc dọn dẹp, chuẩn bị đồ ăn để mọi người làm việc; sử dụng tài khoản telegram có tên hiển thị "Tiểu vy", đăng ký bằng số điện thoại 0359.089.961, tên người dùng @tieuvybank; "Con vịt Banking", đăng ký bằng số điện thoại 0925.323.247, tên người dùng @convitdien11; "Banking Mùa Đông", đăng ký bằng số điện thoại 0948.767.065, tên người dùng @bankingmuadong và các tài khoản facebook để đăng bài quảng cáo về việc mở tài khoản ngân hàng theo tên trên mạng xã hội; sử dụng các tài khoản mạng xã hội nêu trên để liên hệ nhận thông tin về tài khoản mà các đối tượng trên mạng internet muốn mua; hướng dẫn người mua chuyển tiền vào các tài khoản ngân hàng số 32976962 mang tên LUONG THI NGOC và tài khoản số 0359089961 mang tên NGUYEN CHI DUNG đều mở tại Ngân hàng TMCP K; tài khoản số 183001060003403 mang tên HO DAC MINH TRI mở tại Ngân hàng TMCP B1; các tài khoản số 0608031991 mang tên GIA CAT KHONG MINH và tài khoản số 0000811102 mang tên LUONG THI NGOC tại Ngân hàng S2. Sau đó, L cung cấp thông tin để Tuấn A hoặc người làm thuê cho Tuấn A mở tài khoản theo yêu cầu của khách

hàng. Khi có thông tin tài khoản ngân hàng, L sẽ chuyển cho người mua, số tiền thu được khi bán thông tin tài khoản ngân hàng mà nhóm Tuấn A cung cấp cho L thì sau khi trừ chi phí, L và Tuấn A hưởng chung. Đối với các tài khoản ngân hàng nhóm của Tuấn A bận hoặc không mở được theo yêu cầu của khách thì L sẽ tự liên hệ với những người có thể mở được thông qua tài khoản telegram của L, sau khi có thông tin về tài khoản ngân hàng, L chuyển lại cho khách hàng và hưởng lợi riêng.

L cung cấp thông tin để nhóm của Tuấn A và người ngoài nhóm của Tuấn A làm giả 164 CCCD để mở tài khoản ngân hàng bằng phương thức điện tử. Thực hiện mua, bán 756 thông tin về tài khoản ngân hàng (bao gồm 570 tài khoản ngân hàng cùng Tuấn A và 186 tài khoản ngân hàng tự thực hiện mua, bán riêng). Trong 186 tài khoản mua, bán riêng có: 08 tài khoản thuộc Ngân hàng V4; 24 tài khoản thuộc Ngân hàng TMCP Q2 (V2); 21 tài khoản thuộc Ngân hàng T2; 70 tài khoản thuộc Ngân hàng TMCP S4 (S2); 06 tài khoản thuộc Ngân hàng S3; 11 tài khoản thuộc Ngân hàng N1; 11 tài khoản thuộc Ngân hàng M3; 02 tài khoản thuộc Ngân hàng K3; 12 tài khoản thuộc Ngân hàng TMCP X (E); 18 tài khoản thuộc Ngân hàng B; 03 tài khoản thuộc Ngân hàng A2.

Số tiền L thu được từ việc mua, bán thông tin tài khoản ngân hàng là 47.802.000 đồng, đã sử dụng 20.680.000 đồng mua tài khoản ngân hàng của người khác rồi bán lại cho khách; số tiền L được hưởng lợi riêng là 21.122.000 đồng, hưởng lợi chung cùng Tuấn A là 6.000.000 đồng.

(3) Bị cáo Phan Thị H:

Huế làm thuê cho Tuấn A từ ngày 02/4/2023 đến ngày 03/5/2023 và từ ngày 21/9/2023 đến ngày 05/12/2023. Tuấn A giao cho H sử dụng các tài khoản facebook, telegram đã đăng nhập sẵn trên các điện thoại, copy các bài viết có sẵn do Tuấn A chuẩn bị đăng lên các tài khoản mạng xã hội facebook, telegram để quảng cáo, trao đổi, thỏa thuận nhận thông tin khách hàng sau đó cung cấp cho Tuấn A hoặc L3 mở tài khoản ngân hàng. Sau khi mở được tài khoản ngân hàng thành công, H chuyển cho khách (nếu Huế nhận thông tin từ L thì H khi có được tài khoản ngân hàng từ Tuấn A hoặc L3 mở sẽ chuyển cho L). Khi L3, Tuấn A bận thì H trực tiếp mở tài khoản ngân hàng bằng phương thức điện tử theo yêu cầu của khách rồi chuyển thông tin tài khoản ngân hàng cho người mua. Ngoài ra, H còn tham gia làm giả CCCD, tạo video hình ảnh người trong CCCD giả và lưu lại máy tính để sử dụng mở tài khoản ngân hàng bằng phương thức điện tử.

Trong thời gian làm thuê, H đã tham gia làm giả 205 CCCD; giúp sức cho Tuấn A thực hiện mua, bán 570 thông tin về tài khoản ngân hàng và được Tuấn A trả công 25.000 đồng/01 giờ làm việc. Huế nhận được 3.600.000 đồng tiền công và 350.000 đồng tiền ăn.

(4) Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Á:

Ánh làm thuê cho Tuấn A từ ngày 09/10/2023 đến ngày 05/12/2023, thực hiện các công việc giống như Huế. Trong thời gian làm thuê, Á đã tham gia làm giả 175 CCCD; giúp sức cho Tuấn A thực hiện mua, bán 561 thông tin tài khoản

ngân hàng (không tham gia làm 09 tài khoản gồm: 01 tài khoản thuộc Ngân hàng T2; 04 tài khoản thuộc Ngân hàng S2 và 04 tài khoản thuộc Ngân hàng TMCP L4). Tuấn A trả công cho Á 30.000 đồng/giờ làm việc. Á nhận được 4.700.000 đồng tiền công và 100.000 đồng tiền ăn.

Kết quả kiểm tra điện thoại, máy vi tính, USB do Tuấn A, L, L3, Huế và Á giao nộp có nhiều nội dung liên quan đến làm CCCD giả và mua bán thông tin tài khoản ngân hàng.

Kết quả tra cứu các số CCCD, CMTND đã thu thập được do các bị cáo sử dụng để mở tài khoản ngân hàng bằng phương thức điện tử không có trường hợp nào thông tin nhân thân trùng với thông tin CCCD (không có thật).

Đối với các thông tin và sao kê tài khoản ngân hàng, các thông tin chủ đăng ký thuê bao điện thoại và các ủy thác điều tra mà Cơ quan cảnh sát điều tra đã ủy thác nhưng chưa nhận kết quả. Ngày 27/12/2024, Cơ quan điều tra tiến hành tách tin để tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau.

2. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2025/HS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Đoàn Tuấn A, Lê Thị Ngọc L, Nguyễn Thị Ngọc Á, Phan Thị H phạm các tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" và tội "Mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng".

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341, điểm a khoản 3 Điều 291, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1 Điều 55 và khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đoàn Tuấn A, Lê Thị Ngọc L. Áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 2 Điều 56 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đoàn Tuấn A. Áp dụng thêm điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Thị Ngọc L.

- Xử phạt bị cáo Đoàn Tuấn A 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" và 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng". Tổng hợp hình phạt 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo của Bản án số 06/2022/HSST ngày 14/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội chuyển thành 09 (chín) tháng tù giam, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai Bản án là 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/10/2024.

- Xử phạt bị cáo Lê Thị Ngọc L 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" và 02 (hai) năm tù về tội "Mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng". Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341, điểm a khoản 3 Điều 291, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Hình sự về tội "Mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng", khoản 1 Điều 38 Bộ luật

Hình sự về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" đối với các bị cáo Phan Thị H và Nguyễn Thị Ngọc Á.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Á 03 (ba) năm tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" và 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước về tội "Mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng". Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Phan Thị H 03 (ba) năm tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" và 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước về tội "Mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng". Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Lê Thành L3; biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng; nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm và phổ biến quyền kháng cáo theo quy định.

3. Kháng cáo:

Ngày 10/3/2025, bị cáo Đoàn Tuấn A có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm với nội dung xin giảm hình phạt.

Ngày 07/3/2025, bị cáo Lê Thị Ngọc L có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm với nội dung xin giảm hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 05/3/2025, các bị cáo Phan Thị H và Nguyễn Thị Ngọc Á có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm với cùng nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo đối với tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức", giảm mức phạt tiền đối với tội "Mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng".

4. Tại phiên tòa phúc thẩm:

4.1. Các bị cáo giữ nguyên kháng cáo. Riêng bị cáo Lê Thị Ngọc L giao nộp thêm cho Hội đồng xét xử một số tài liệu, chứng cứ và đơn xin thay đổi nội dung kháng cáo, cụ thể bị cáo L đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng hình phạt tiền cho bị cáo đối với tội "Mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng" thay hình phạt tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng, đồng thời giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đối với tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức".

4.2. Kiểm sát viên đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo chấp hành nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội; đặc điểm nhân thân, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo; quyết định của Bản án sơ thẩm; nội dung kháng cáo và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: không chấp nhận

kháng cáo của bị cáo Đoàn Tuấn A; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị Ngọc L, áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, giảm hình phạt cho bị cáo đối với tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" từ 06 tháng đến 01 năm tù và phạt tiền bị cáo đối với tội "Mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng" từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phan Thị H và Nguyễn Thị Ngọc Á, giảm hình phạt cho cả 02 bị cáo đối với tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" từ 06 tháng đến 01 năm tù và giảm một phần mức phạt tiền cho cả 02 bị cáo đối với tội "Mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng".

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử và các tài liệu, chứng cứ được thu thập đúng thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng, xem xét công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như sau:

Qua tìm hiểu trên các trang mạng xã hội, Đoàn Tuấn A biết để mở tài khoản ngân hàng bằng phương thức điện tử rồi bán cho người có nhu cầu thì phải có CCCD và mỗi CCCD chỉ mở được một tài khoản ở một ngân hàng nên muốn mở được nhiều tài khoản để bán và không bị phát hiện thì sử dụng CCCD dân giả. Tuấn A đã chuẩn bị máy vi tính để bàn, điện thoại di động thông minh có kết nối Internet; vào mạng xã hội mua ứng dụng, tải các phần mềm, tải App mobile các ngân hàng lưu vào máy tính. Khi có người hỏi mua tài khoản ngân hàng, Tuấn A yêu cầu họ cung cấp thông tin cá nhân, số điện thoại và tên ngân hàng muốn mở tài khoản rồi thực hiện các thao tác làm giả các CCCD, mở các tài khoản ngân hàng bằng phương thức điện tử để bán cho họ qua mạng xã hội telegram với giá từ 50.000 đồng đến 3.000.000 đồng/01 tài khoản. Ngoài trực tiếp làm, Tuấn A còn cùng Lê Thị Ngọc L và thuê Lê Thành L3, Phan Thị H và Nguyễn Thị Ngọc Á thực hiện hành vi nêu trên với mình. Đối với những tài khoản ngân hàng không mở được, Tuấn A sẽ mua của người khác trên mạng xã hội sau đó bán cho người có nhu cầu.

Kết quả điều tra xác định được: từ tháng 3/2023 đến ngày 05/12/2023, Tuấn A đã làm giả 350 thẻ CCCD để mở tài khoản ngân hàng bằng phương thức điện tử và thực hiện mua, bán trái phép 570 thông tin về tài khoản ngân hàng, thu được 79.570.000 đồng; sau khi trừ các chi phí, Tuấn A thu lợi riêng 54.360.000 đồng, thu lời chung cùng Lê Thị Ngọc L 6.000.000 đồng.

Lê Thị Ngọc L chung sống như vợ chồng với Tuấn A. Ngoài thực hiện công việc dọn dẹp, chuẩn bị đồ ăn để mọi người làm việc, L đã sử dụng tài khoản telegram và các tài khoản facebook để đăng bài quảng cáo về việc mở tài khoản ngân hàng theo tên trên mạng xã hội, liên hệ nhận thông tin về tài khoản mà các đối tượng trên mạng internet muốn mua và hướng dẫn người mua chuyển tiền vào các tài khoản ngân hàng. Sau đó, L cung cấp thông tin để Tuấn A hoặc người làm thuê cho Tuấn A mở tài khoản theo yêu cầu của người mua; khi có thông tin tài

khoản ngân hàng, L sẽ chuyển cho người mua. Số tiền thu được khi bán thông tin tài khoản ngân hàng mà nhóm Tuấn A cung cấp cho L thì sau khi trừ chi phí L và Tuấn A hưởng chung. Đối với các tài khoản ngân hàng nhóm của Tuấn A bận hoặc không mở được theo yêu cầu của người mua thì L sẽ tự liên hệ với những người khác làm rồi chuyển lại cho người mua để hưởng lợi riêng. Với hành vi trên, L đã cung cấp thông tin để nhóm của Tuấn A và người ngoài nhóm của Tuấn A làm giả 164 CCCD để mở tài khoản ngân hàng bằng phương thức điện tử; thực hiện mua, bán 756 thông tin về tài khoản ngân hàng. Số tiền L thu được từ việc mua, bán thông tin tài khoản ngân hàng là 47.802.000 đồng, đã sử dụng 20.680.000 đồng mua tài khoản của người khác rồi bán lại cho người mua; số tiền L thu lời riêng là 21.122.000 đồng, thu lời chung cùng Tuấn A là 6.000.000 đồng.

Đối với bị cáo Phan Thị H và bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Á: Huế làm thuê cho Tuấn A từ ngày 02/4/2023 đến ngày 03/5/2023 và từ ngày 21/9/2023 đến ngày 05/12/2023; Ánh làm thuê cho Tuấn A từ ngày 09/10/2023 đến ngày 05/12/2023. Tuấn A giao cho H và Á sử dụng các tài khoản facebook, telegram đã đăng nhập sẵn trên các điện thoại, copy các bài viết có sẵn do Tuấn A chuẩn bị đăng lên các tài khoản mạng xã hội facebook, telegram để quảng cáo, trao đổi, thỏa thuận nhận thông tin của người có nhu cầu mua; sau đó, cung cấp cho Tuấn A hoặc L3 mở tài khoản ngân hàng. Sau khi mở được tài khoản ngân hàng thành công, Huế và Á chuyển cho người mua. Khi L3, Tuấn A bận thì H, Á trực tiếp mở tài khoản ngân hàng, chuyển thông tin tài khoản ngân hàng cho người mua. Ngoài ra, H và Á còn tham gia một số công đoạn làm giả CCCD như tạo video hình ảnh người trong CCCD giả và lưu lại máy tính để sử dụng mở tài khoản ngân hàng bằng phương thức điện tử.

Trong thời gian làm thuê, H đã tham gia làm giả 205 CCCD, giúp sức cho Tuấn A thực hiện mua bán 570 thông tin về tài khoản ngân hàng và được Tuấn A trả công 25.000 đồng/01 giờ làm việc, Huế nhận được 3.600.000 đồng tiền công và 350.000 đồng tiền ăn. Á đã tham gia làm giả 175 CCCD, giúp sức cho Tuấn A thực hiện mua bán 561 thông tin tài khoản ngân hàng và được Tuấn A trả công 30.000 đồng/giờ làm việc, Á nhận được 4.700.000 đồng tiền công và 100.000 đồng tiền ăn.

Với những hành vi trên, Toà án cấp sơ thẩm đã tuyên bố các bị cáo Đoàn Tuấn A, Lê Thị Ngọc L, Nguyễn Thị Ngọc Á và Phan Thị H phạm vào tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự và tội "Mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 291 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt thì thấy:

[2.1] Đối với bị cáo Đoàn Tuấn A: Đoàn Tuấn A được xác định là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy đồng thời trực tiếp thực hiện tội phạm nên có vai trò chính và cao nhất. Bị cáo phạm tội mới trong thời gian thử thách của án treo (ngày 14/01/2022 đã bị Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản") nên phải chịu tình tiết tăng nặng "Tái phạm" quy định tại

điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Tuấn A được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự do quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lời bất chính; có bố đẻ đang hưởng chế độ người khuyết tật nặng về tâm thần kinh. Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định xử phạt bị cáo Đoàn Tuấn A 03 năm 09 tháng tù về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" và 02 năm 06 tháng tù về tội "Mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng"; tổng hợp với hình phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo của Bản án số 06/2022/HSST ngày 14/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội chuyển thành 09 tháng tù giam, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là 07 năm tù - là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật, bảo đảm tính nghiêm minh đối với người phạm tội, giáo dục người khác tôn trọng pháp luật và yêu cầu đấu tranh phòng ngừa, chống tội phạm. Bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không đưa ra được tài liệu, chứng cứ hoặc lý do nào mới làm căn cứ giảm hình phạt nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Đối với bị cáo Lê Thị Ngọc L: Bị cáo được xác định là người có vai trò giúp sức cho bị cáo Đoàn Tuấn A thực hiện tội phạm, đồng thời cũng là người thực hành. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, điểm n khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự do quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; thực hiện hành vi phạm tội trong thời gian đang mang thai; đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lời bất chính. Mặt khác, xem xét hoàn cảnh phạm tội của bị cáo L là người cư trú tại Thanh Hóa đến sống chung với bị cáo Đoàn Tuấn A nhưng chưa đăng ký kết hôn nên có phần bị lệ thuộc vào Đoàn Tuấn A; trước khi cùng Tuấn A phạm tội thì bị cáo L có nhân thân tốt; có nhiều tình tiết giảm nhẹ và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; bị cáo L và bị cáo Tuấn A đã có 01 con chung là cháu Đoàn Tuệ An S1 ngày 10/12/2023. Tại phiên tòa, bị cáo L giao nộp 03 Giấy xác nhận bị cáo có số tiền 250.000.000 đồng tiền gửi tại Ngân hàng V4 và cam kết nếu được chuyển hình phạt tiền đối với tội "Mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng" thì bị cáo sẽ sử dụng số tiền này để thi hành án. Do bị cáo L có những tình tiết mới như trên nên Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của bị cáo L đề nghị giảm mức hình phạt đối với tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" và được áp dụng hình phạt tiền đối với tội "Mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng" là có cơ sở, cần được chấp nhận để quyết định một mức hình phạt cho phù hợp với quy định của pháp luật, vừa thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật, vừa bảo đảm tính nghiêm minh đối với người phạm tội, giáo dục người khác tôn trọng pháp luật và yêu cầu đấu tranh phòng ngừa, chống tội phạm.

[2.3] Đối với các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Á và Phan Thị H: Cả hai bị cáo này đều được xác định là đồng phạm giúp sức cho bị cáo Đoàn Tuấn A thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, về tính chất của đồng phạm thì cả hai bị cáo chỉ được Tuấn A thuê để làm một số công đoạn cụ thể và trả công theo giờ (Phan Thị

H được trả công 25.000 đồng/01 giờ làm việc, tổng số tiền Huế nhận được là 3.600.000 đồng tiền công và 350.000 đồng tiền ăn; Nguyễn Thị Ngọc Á được trả công 30.000 đồng/giờ làm việc, tổng số tiền Á nhận được là 4.700.000 đồng tiền công và 100.000 đồng tiền ăn); trong đó, đối với hành vi làm giả CCCD thì cả 02 bị cáo chỉ thực hiện một số công đoạn (tạo video hình ảnh người trong CCCD giả và lưu lại máy tính trên phần mềm do Tuấn A đã cài đặt sẵn) và hành vi này chỉ được sử dụng vào 01 mục đích duy nhất là mở tài khoản ngân hàng bằng phương thức điện tử nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định Huế và Á tham gia vụ án với vai trò giúp sức thứ yếu. Cả hai bị cáo trước khi phạm tội đều là sinh viên sống phụ thuộc, có nhân thân tốt, hoàn cảnh gia đình đều khó khăn; không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự do quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện nộp lại số tiền được trả công do thực hiện hành vi trái pháp luật; bị cáo Ngọc Á có bà nội được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Á còn xuất trình tài liệu thể hiện bị cáo có ông nội là Thương binh; bản thân bị cáo đang mang thai, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, với những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, áp dụng và những tình tiết mới tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với 02 bị cáo để cân nhắc, quyết định hình phạt đối với mỗi tội danh cụ thể cho phù hợp, vừa thể hiện tính nhân đạo của pháp luật, đồng thời phù hợp với nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội và mục đích của hình phạt quy định tại các Điều 3, 31 của Bộ luật Hình sự.

[3] Đối với kháng cáo của các bị cáo Lê Thị Ngọc L, Nguyễn Thị Ngọc Á, Phan Thị H xin được hưởng án treo về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức": Do trong vụ án này các bị cáo đều bị xét xử, kết án về 02 tội và tội này là tội phạm nghiêm trọng nên các bị cáo thuộc trường hợp không cho hưởng án treo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Căn cứ vào các điểm b, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo Đoàn Tuấn A có kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định; các bị cáo Lê Thị Ngọc L, Nguyễn Thị Ngọc Á, Phan Thị H có kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đoàn Tuấn A; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2025/HS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên về hình phạt đối với bị cáo Đoàn Tuấn A.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341, điểm a khoản 3 Điều 291, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 38, khoản 2 Điều 56 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Đoàn Tuấn A 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù, về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" và 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội "Mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng". Tổng hợp hình phạt 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo (về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản") của Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2022/HSST ngày 14/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội chuyển thành 09 (chín) tháng tù giam, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/10/2024.

2. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2025/HS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên về hình phạt đối với các bị cáo Lê Thị Ngọc L, Nguyễn Thị Ngọc Á, Phan Thị H.

2.1. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341, điểm a khoản 3 Điều 291, các điểm n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 38, Điều 35 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Thị Ngọc L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức"; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Ngọc L 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng sung ngân sách Nhà nước, về tội "Mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng".

2.2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341, điểm a khoản 3 Điều 291, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 54, khoản 1 Điều 38, Điều 35 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Phan Thị H 02 (hai) năm tù, về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức"; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Phan Thị H 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng sung ngân sách Nhà nước, về tội "Mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng".

2.3. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341, điểm a khoản 3 Điều 291, các điểm n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 54, khoản 1 Điều 38, Điều 35 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Á 02 (hai) năm tù, về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức"; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Á 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng sung ngân sách Nhà nước, về tội "Mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng".

3. Các quyết định của Bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Lê Thành L3; biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng; nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật sau khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Án phí hình sự phúc thẩm:

4.1. Bị cáo Đoàn Tuấn A phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4.2. Các bị cáo Lê Thị Ngọc L, Nguyễn Thị Ngọc Á, Phan Thị H không phải chịu.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 28 tháng 7 năm 2025).

Nơi nhận:
- Vụ 1 Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và KSXXPT tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Công an tỉnh Hưng Yên;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- Các bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Điền